

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 83 /LĐT BXH-DN

Quảng Trị, ngày 14 tháng 01 năm 2014.

V/v hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch
dạy nghề cho lao động nông thôn

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Trên cơ sở các quy định hiện hành liên quan đến việc tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn và sau khi đã thông nhất ý kiến với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn hàng năm như sau:

1. Về quan điểm chỉ đạo:

- Công tác xây dựng kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn phải xuất phát từ cấp cơ sở là cấp xã. Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn phải gắn liền với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ của địa phương; dạy nghề gắn với các doanh nghiệp, làng nghề, vùng chuyên canh, đồng thời là nhu cầu thiết thực của người lao động. Trong đó ưu tiên đối với lao động nông thôn thuộc diện ưu đãi người có công với cách mạng, hộ nghèo, người dân tộc thiểu số, người tàn tật, người bị thu hồi đất canh tác, hộ cận nghèo, lao động nữ.

- Nhằm giúp cho UBND cấp xã lập kế hoạch chính xác, sát với thực tế, Ban chỉ Đề án 1956 cấp huyện tổ chức hội nghị quán triệt và hướng dẫn cách lập kế hoạch cho UBND cấp xã.

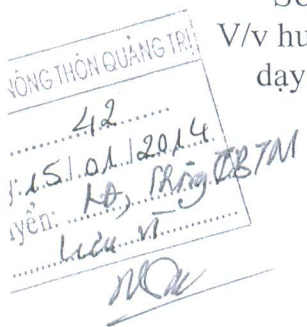
- Để tránh tình trạng việc lập kế hoạch quá nhiều, vượt quá khả năng bố trí kinh phí, việc lập kế hoạch của cấp xã cần giới hạn về mặt số lượng 11 lớp/xã/năm. Đối với các xã điểm nông thôn mới, các xã được lựa chọn để nhân rộng mô hình cần có chỉ đạo bố trí nhiều hơn.

- Việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn của các huyện, thị xã, thành phố bên cạnh nguồn kinh phí được bố trí từ nguồn Đề án 1956 của trung ương (sẽ được thông báo hàng năm), đề nghị các địa phương chủ động bố trí thêm ngân sách địa phương.

2. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn:

-Đề xuất Kế hoạch dạy nghề nông thôn của địa phương mình theo Mẫu số 01; gửi kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (hoặc phòng Kinh tế) và kế hoạch đào tạo nghề phi nông nghiệp cho Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện.

-Thời gian hoàn thành: trước ngày 25/1/2014



3. Trách nhiệm của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc phòng Kinh tế), Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện:

3.1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc phòng Kinh tế):

-Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn; đề xuất cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề nông nghiệp; tổng hợp theo Mẫu 02 và gửi Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội.

-Thời gian hoàn thành: trước ngày 14/02/2014

3.2. Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội:

-Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn; đề xuất cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề phi nông nghiệp.

-Chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn liên quan huyện tiến hành rà soát lần cuối để đề xuất UBND cấp huyện ký thông qua kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn theo Mẫu số 02. Kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn sau khi được UBND cấp huyện thông qua gửi về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

-Thời gian hoàn thành: trước ngày 21/02/2014.

4. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

4.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

-Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh, hợp theo Mẫu 02 và gửi Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

-Thời gian hoàn thành: trước ngày 28/2/2014

4.2. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

-Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.

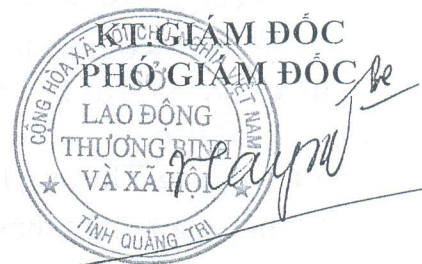
-Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiến hành rà soát lần cuối để đề xuất UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn.

-Thời gian hoàn thành: trước ngày 05/03/2014

Trên đây là nội dung hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn hàng năm, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, PGĐ Sở phụ trách;
- Chi cục Phát triển nông thôn;
- Phòng NN&PTNT (hoặc Phòng Kinh tế),
Phòng LĐTBXH các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VP, DN.



Dương Thị Hải Yến 2

UBND huyện, thị xã, thành phố.....
UBND xã, phường, thị trấn.....

Mẫu 01

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM

I. Tên nghề:

1. Số lượng lao động cần đào tạo:

2. Địa điểm tổ chức mở lớp:

3. Các căn cứ để xác định nghề:

- Quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương:.....
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới
- Quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương....
- Nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn....
- Nhu cầu của người lao động
- Căn cứ khác (ghi cụ thể).....

II. Tên nghề:

1. Số lượng lao động cần đào tạo:

2. Địa điểm tổ chức mở lớp:

3. Các căn cứ để xác định nghề:

- Quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương:.....
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới
- Quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương....
- Nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn....
- Nhu cầu của người lao động
- Căn cứ khác (ghi cụ thể).....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. UBND.....

CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 01

I. Tên nghề:

Tham khảo danh mục các nghề đã được UBND tỉnh Quảng Trị ban hành, hoặc danh mục các nghề đã được tổ chức đào trên địa bàn tỉnh, cũng có thể đề xuất nghề mới

1. Số lượng lao động cần đào tạo:

Là số lao động trên địa bàn có nhu cầu học nghề, có thể đề xuất theo lớp (từ 22-35 người). Trường hợp số lượng ít hơn có thể ghi cụ thể để tổng hợp tổ chức lớp theo cụm xã.

2. Địa điểm tổ chức mở lớp:

Là nơi tổ chức lớp học và nên ghi cụ thể theo thôn, bản, khu phố...

3. Các căn cứ để xác định nghề:

Việc xác định một nghề có thể dựa vào nhiều căn cứ và ứng với mỗi căn cứ đánh dấu X vào ô tương ứng.

- Quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương:.....
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới
- Quy hoạch phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương....
- Nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn....
- Nhu cầu của người lao động
- Căn cứ khác (ghi cụ thể).....

Đơn vị

Mẫu số 02

KẾ HOẠCH DẠY NGHỀ LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2014
(Mẫu này áp dụng chung đối với Phòng NN&PTNT, UBND cấp huyện và Sở NN&PTNT)

TT	Tên nghề đào tạo	Số tháng đào tạo	Số lớp	Dự kiến địa điểm tổ chức	Dự kiến đơn vị đào tạo	Số học viên (người)	Dự kiến kinh phí (ngàn đồng)	Ghi chú
I	Nghề phi nông nghiệp							
II	Nghề nông nghiệp							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU SỐ 02

1. Số tháng đào tạo:

Căn cứ vào quyết định ban hành danh mục nghề của UBND tỉnh Quảng Trị. Trường hợp nghề mới thì có thể đề xuất thời gian hoặc đề trông.

2. Dự kiến đơn vị đào tạo:

Có thể căn cứ vào danh sách các cơ sở dạy nghề đã tham gia đào tạo năm trước. Trường hợp nghề mới các cơ sở dạy nghề trên địa bàn không tổ chức được thì đề trông.

3. Dự kiến kinh phí:

Lấy số học viên nhân với định mức được quy định các quyết định ban hành danh mục, định mức chi phí của UBND tỉnh Quảng Trị. Trường hợp nghề mới không có trong danh mục nghề đã được công bố thì có thể đề xuất, hoặc đề trông.

**DANH MỤC VÀ ĐỊNH MỨC CHI ĐÀO TẠO NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP
VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 03 THÁNG ĐỂ ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 6 năm 2011 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên nghề đào tạo	Số học sinh/lớp học (Người)	Thời gian đào tạo (Tháng)	Tổng số tiết giảng dạy/khóa học	Trong đó			Mức kinh phí hỗ trợ tối đa (Đồng/HS /Khóa)
					Lý thuyết (tiết)	Thực hành (giờ)	Hoạt động đánh giá (giờ)	
1	Sửa chữa, bảo trì xe, máy và thiết bị cơ khí	22- 35	3	390	90	280	20	1.800.000
2	Kỹ thuật Hàn và gia công cơ khí	22- 35	4	464	115	329	20	1.900.000
3	Kỹ thuật gò, hàn	22- 35	3	337	87	230	20	1.600.000
4	Sửa chữa xe máy	22- 35	4	464	115	329	20	1.600.000
5	Điện công nghiệp	22- 35	4	436	104	312	20	1.600.000
6	Điện dân dụng	22- 35	3	337	87	230	20	1.400.000
7	Điện lạnh dân dụng	22- 35	4	436	104	312	20	1.200.000
8	Mộc dân dụng	22- 35	3	387	100	267	20	1.600.000
9	Mộc công nghiệp	22- 35	3	387	100	267	20	1.600.000
10	Mộc mỹ nghệ	22- 35	4	464	115	329	20	1.900.000
11	Kỹ thuật xây dựng (Nề)	22- 35	3	387	100	267	20	1.400.000
12	Điện nước xây dựng	22- 35	3	390	90	280	20	1.600.000
13	Máy công nghiệp	22- 35	4	436	104	312	20	1.800.000
14	Đan lát truyền thống	22- 35	2	264	55	194	15	1.200.000
15	Kỹ thuật sản xuất chổi đót	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
16	Vận hành máy thi công công trình (xúc/đào/ủi)	22- 35	3	375	94	261	20	1.800.000
17	Sửa chữa vận hành máy nông nghiệp – ngư nghiệp	22- 35	3	375	94	261	20	1.500.000
18	Tin học văn phòng (Dạy nghề cho người tàn tật)	22- 35	3	375	94	261	20	1.500.000
19	Xoa bóp bấm huyệt (Dạy nghề cho người tàn tật)	22- 35	3	375	94	261	20	1.500.000
20	Kỹ thuật chế biến món ăn	22- 35	1	120	10	102	8	800.000
21	Chăm sóc da	22- 35	2	264	55	194	15	1.200.000

22	Thiết kế tạo mẫu tóc	22- 35	2	264	55	194	15	1.200.000
23	Trang điểm thẩm mỹ	22- 35	2	264	55	194	15	1.200.000
24	Trồng rau an toàn	22- 35	2	264	55	194	15	1.200.000
25	Kỹ thuật trồng cây ăn quả (Cam/dứa/bưởi/quýt ...)	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
26	Kỹ thuật trồng hoa cúc/hồng/đồng tiền ...	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
27	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh	22- 35	2	264	55	194	15	1.000.000
28	Kỹ thuật trồng sắn/ngô/ lúa/đậu phụng ...	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
29	Trồng chăm sóc/khai thác cao su	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
30	Kỹ thuật trồng chăm sóc /thu hoạch cà phê	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
31	Kỹ thuật trồng chăm sóc/ thu hoạch hồ tiêu	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
32	Kỹ thuật sản xuất nước mắm	22- 35	1,5	176	22	144	10	900.000
33	Chế biến và bảo quản nông sản	22- 35	1	120	10	102	8	600.000
34	Kỹ thuật trồng nấm sò/rom/linh chi	22- 35	1	120	10	102	8	600.000
35	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	22- 35	1	120	10	102	8	500.000
36	Kỹ thuật chế biến hấp sấy cá mực	22- 35	1	120	10	102	8	600.000
37	Phòng trừ sâu bệnh cây lương thực	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
38	Kỹ thuật nuôi và trừ bệnh cho lợn	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
39	Phòng trừ sâu bệnh cây công nghiệp	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
40	Kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho gà, vịt	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
41	Phòng trừ bệnh trên cây ăn quả	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
42	Kỹ thuật gieo tinh cho heo/bò	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
43	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu/bò/dê	22- 35	1	120	10	102	8	700.000
44	Kỹ thuật sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi trang trại	22- 35	2	264	66	183	15	1.200.000

45	Nuôi ong lấy mật	22- 35	1	120	10	102	8	600.000
46	Dệt thổ cẩm	22- 35	2	264	66	183	15	1.200.000
47	Lái phươg tiện thủy nội địa	22- 35	3	375	94	261	20	1.800.000
48	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nếm	22- 35	2	264	66	183	15	1.000.000
49	Phục vụ buồng	22- 35	3	387	100	267	20	1.600.000
50	Cắt, uốn tóc, giặt là	22- 35	3	387	100	267	20	1.600.000
51	Nghiệp vụ lễ tân	22- 35	3	387	100	267	20	1.600.000
52	Pha chế đồ uống - Bar	22- 35	3	387	100	267	20	1.600.000

**DANH MỤC VÀ ĐỊNH MỨC CHI ĐÀO TẠO NGHỀ
TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ DẠY NGHỀ DƯỚI 03 THÁNG ĐỂ ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 4 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

TT	Tên nghề đào tạo	Số học sinh/ lớp học (người)	Thời gian đào tạo (tháng)	Tổng số tiết giảng dạy/ khóa học	Trong đó			Mức kinh phí hỗ trợ tối đa (đồng/hs /khóa)
					Lý thuyết (tiết)	Thực hành (giờ)	Hoạt động đánh giá (giờ)	
1	Kỹ thuật đan lưới dính chì	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
2	Thêu ren	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
3	Kỹ thuật sản xuất nón lá	22 - 35	2	264	55	194	15	1.200.000
4	Nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch	22 - 35	3	387	100	267	20	1.800.000
5	Kỹ thuật sản xuất lúa giống	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
6	Kỹ thuật khai thác nhựa thông	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
7	Kỹ thuật nhân giống cây lâm nghiệp: trám/bạch đàn....	22 - 35	1	120	10	102	8	700.000
8	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
9	Kỹ thuật nuôi lợn bản/Vân Pa	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
10	Kỹ thuật nuôi giun quế kết hợp chăn nuôi gà/vịt/cá	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
11	Kỹ thuật trồng/chăm sóc/thu hoạch cây chuối	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
12	Kỹ thuật nuôi tôm	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000
13	Kỹ thuật trồng rừng	22 - 35	2	264	55	194	15	1.500.000

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DẠY NGHỀ THAM GIA DẠY NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2013**

TT	Đơn vị/địa chỉ	Các nghề trình độ sơ cấp đã được cấp phép và các nghề dưới 3 tháng tổ chức dạy năm 2013
1	Trường Trung cấp nghề Quảng Trị Số 179 Lý Thường Kiệt - Đông Hà - Quảng Trị	Điện dân dụng Hàn May và thiết kế thời trang Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật máy nông nghiệp Điện công nghiệp và dân dụng Vận hành máy xây dựng
2	Trường TCN Giao thông vận tải Quảng Trị Số 49 Lý Thường Kiệt - Đông Hà - Quảng Trị	Vận hành máy xúc Lái xe ô tô các hạng Điều khiển phương tiện thủy nội địa
3	Trường Trung cấp Mai Lĩnh Quảng Trị Số 18 đường Lê Lợi, TP Đông Hà, Quảng Trị	Điện dân dụng Nghề vụ lễ tân Nghề vụ buồng - phòng Nghề vụ pha chế đồ uống - bar Kỹ thuật chế biến món ăn
4	Trung tâm Giới thiệu Việc Làm Quảng Trị Số 34, Tôn Thất Thuyết, Đông Hà, Quảng Trị	KT chế biến món ăn Chăm sóc da Trang điểm thẩm mỹ Mộc dân dụng Thiết kế, tạo mẫu tóc Trồng rau an toàn Trồng chăm sóc/khai thác cao su Kỹ thuật nuôi và phòng trừ bệnh cho lợn Kỹ thuật trồng nấm sò/rom/linh chi KT chăn nuôi, phòng trừ bệnh cho gà vịt
5	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ Nông dân Xã Gio Quang, huyện Gio Linh, Quảng Trị	Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật trồng hoa cúc/ hồng/đồng tiền Trồng chăm sóc/khai thác cao su Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch cà phê Kỹ thuật nuôi và phòng trừ bệnh cho lợn KT chăn nuôi, phòng trừ bệnh cho gà vịt Kỹ thuật nuôi giun quế kết hợp chăn nuôi gà
6	Trường Trung học Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Trị Gio Quang - Gio Linh - Quảng Trị	Kỹ thuật Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi trang trại
7	Trung tâm Khuyến nông - Khuyến Lâm Đường Lý Thường Kiệt, Đông Hà, Quảng Trị	Trồng rau an toàn Kỹ thuật trồng, chăm sóc/ thu hoạch hồ tiêu Kỹ thuật nuôi và phòng trừ bệnh cho trâu/bò/dê Kỹ thuật trồng nấm sò/rom/linh chi Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt

TT	Đơn vị/địa chỉ	Các nghề trình độ sơ cấp đã được cấp phép và các nghề dưới 3 tháng tổ chức dạy năm 2013
8	Công ty May Hòa Thọ Đông Hà Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Quảng Trị	May công nghiệp
9	Công ty cổ phần may và thương mại Quảng Trị Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, Hướng Hóa, Quảng Trị	May công nghiệp
10	Trung tâm DNTH huyện Hải Lăng Khóm 6, Thị trấn Hải Lăng, huyện Hải Lăng, Quảng Trị	May công nghiệp Điện dân dụng Sửa chữa, vận hành máy nông, ngư nghiệp Kỹ thuật gò hàn KT chế biến món ăn Thêu ren Kỹ thuật sản xuất nón lá Đan lưới dính chì Trồng rau an toàn Trồng chăm sóc/khai thác cao su Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ném Kỹ thuật trồng và ch/s cây cảnh KT sản xuất lúa giống KT trồng ớt KT trồng cây ăn quả (Dưa hấu)
11	Trung tâm DNTH Thị xã Quảng Trị Thôn Tích Tường, xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị, Quảng Trị	Nghề Kỹ thuật chế biến món ăn Kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh cho gà/vịt Kỹ thuật thú y trong chăn nuôi tổng hợp Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho gà, vịt Kỹ thuật trồng, chăm sóc cây hồ tiêu
12	Trung tâm DN Miễn Phí Phùng Xuân Số 39 đường Trần Phú, thị xã Quảng Trị, Quảng Trị	Sửa chữa, vận hành máy nông - ngư nghiệp
13	Trung tâm DNTH huyện Triệu Phong Thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, Quảng Trị	Kỹ thuật chế biến món ăn Sửa chữa vận hành máy nông nghiệp Điện dân dụng Kỹ thuật nuôi/phòng trị bệnh cho lợn Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ném Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh Kỹ thuật trồng hoa Trồng rau an toàn
14	Trung tâm DNTH huyện Gio Linh Khu phố 6, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, Quảng Trị	Sửa chữa, vận hành máy nông, ngư nghiệp Điện dân dụng Cơ khí KT chế biến món ăn May công nghiệp

TT	Đơn vị/địa chỉ	Các nghề trình độ sơ cấp đã được cấp phép và các nghề dưới 3 tháng tổ chức dạy năm 2013
14	<p align="center">Trung tâm DNTH huyện Gio Linh Khu phố 6, thị trấn Gio Linh, huyện Gio Linh, Quảng Trị</p>	Trồng chăm sóc/khai thác cao su Kỹ thuật nuôi và phòng trừ bệnh cho lợn Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ném Kỹ thuật trồng nấm sò/rom/linh chi KT chăn nuôi, phòng trừ bệnh cho gà vịt
15	<p align="center">Trung tâm DNTH huyện Vĩnh Linh Đường Cao Bá Quát, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, Quảng Trị</p>	Điện công nghiệp Điện dân dụng Kỹ thuật xây dựng Kỹ thuật hàn và gia công cơ khí Kỹ thuật tiện Trồng chăm sóc/khai thác cao su Kỹ thuật trồng, chăm sóc/ thu hoạch hồ tiêu Phòng và trị bệnh cho cây lương thực KT chăn nuôi, phòng trừ bệnh cho gà vịt Phòng trừ sâu bệnh cây công nghiệp
16	<p align="center">Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Vĩnh Linh Đường Lao động, thị trấn Hồ Xá, Vĩnh Linh</p>	Kỹ thuật chế biến món ăn
17	<p align="center">Trung tâm DNTH huyện Cam Lộ Thôn Tân Định, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ, Quảng Trị</p>	Điện dân dụng Sửa chữa, vận hành máy nông- ngư nghiệp Kỹ thuật xây dựng Trồng chăm sóc, khai thác mủ cao su. Kỹ thuật trồng rau an toàn. Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch lạc
18	<p align="center">Trung tâm DNTH huyện ĐaKông Km 41, thị trấn Kông Klang, huyện ĐaKông, Quảng Trị</p>	Kỹ thuật sản xuất chổi đốt Kỹ thuật trồng rau an toàn. Kỹ thuật trồng cây chuối lùn Kỹ thuật nuôi và phòng trừ bệnh cho lợn Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho trâu/bò/dê Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây ném Kỹ thuật trồng rừng
19	<p align="center">Trung tâm DNTH huyện Hướng Hóa Thôn Cửa, Xã Hướng Tân, Huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị</p>	Trồng/chăm sóc/khai thác cây cao su Trồng chăm sóc cây cà phê